

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Trinh.
2. Bà Phạm Thị Thanh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 05/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh T chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 23/7/2003. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 14/12/2003, đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn là anh Nguyễn Thành T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị L yêu cầu ly hôn với anh T nên đây là tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh T có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 23/7/2003 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh T không tham dự, điều đó chứng tỏ anh T không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, giữa chị L và anh T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thành T, đã trưởng thành, lao động được. Chị L, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006325 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị L đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Thành T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, chị Trần Thị L, anh Nguyễn Thành T được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú